

Bản án số: 55/2022/HC-ST

Ngày: 14-01-2022

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ
trợ, tái định cư.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Bảo Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

2. Ông Nguyễn Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thái Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Hương– Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 tháng 11, 02, 28 tháng 12 năm 2021 và 14 tháng 01 năm
2022 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ
thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 501/2020/TLST- HC ngày 25/12/2020
về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái
định cư.”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3691/2021/QĐXXST-HC ngày 15
tháng 10 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 12057/2021/QĐST-HC
ngày 28 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Đào Thị Minh T. (Vắng mặt).

Địa chỉ: xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị Minh T:

Ông Lý Văn Đ. (Có mặt).

Địa chỉ: phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

Ủy ban nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: ấp 1, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Triệu Đỗ Hồng P-Chủ tịch Ủy ban
nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện N:

- Ông Huỳnh Quốc D – Phó trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

Ông Nguyễn Văn T – Nhân viên phòng Tái định cư - Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

- Ông Lê Văn H – Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

- Ông Huỳnh Văn H – Trưởng phòng Tư pháp huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Võ Tuấn S

Địa chỉ: 11/8B Ấp 1, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Tuấn S: Ông Lý Văn Đ

Địa chỉ: phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trẻ Võ Sơn H, sinh năm 2003 (Người đại diện theo pháp luật là bà Đào Thị Minh T và ông Võ Tuấn S)

Địa chỉ: 11/8B Ấp 1, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Văn Đ

Địa chỉ: phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Tại Đơn khởi kiện nộp ngày 01/12/2020, Bản tự khai của bà Đào Thị Minh T cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ và tại phiên tòa ông Lý Văn Đ trình bày:*

Nguyên căn nhà và đất có số 6/5 ấp 1, xã P, huyện N do ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị Đ xây cất từ sau năm 1975 có diện tích khoảng 100m² trên diện tích đất 450m², theo tài liệu năm 2004 thuộc tờ bản đồ số 26 thửa 72-1 và 73-1, loại đất LN.K và được xác định hiện trạng là Đất ở nông thôn + LN khác. (Theo tài liệu 02/CTUB năm 1991 thuộc tờ bản đồ số 10, số thửa 48-1 thuộc loại đất thổ vườn và được xác định hiện trạng là đất ở nông thôn+ cây lâu năm). Việc này tất cả những người dân sống cốt cự ở địa phương đều biết rõ và xác nhận cho bà T.

Ngày 29/02/2000 ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị Đ ký Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ căn nhà và đất trên cho bà T. Sau khi nhận chuyển nhượng do căn nhà bị hư hỏng xuống cấp nên bà T đã sửa chữa lại và gia đình bà trực tiếp ở ổn định đến năm 2007. Sau đó, do điều kiện đi làm xa và có con nhỏ không ai chăm giữ nên buộc lòng bà T phải về ở nhờ nhà cha mẹ và tạm thời cho ông Nguyễn Ngọc T địa chỉ 363/27A ấp 1, xã P, huyện N thuê bán cà phê chờ có điều kiện sẽ về ở ổn định lâu dài.

Ngày 09/12/2019 Ủy ban nhân dân (UBND) huyện N ban hành Quyết định số 2886/QĐ-UBND “Về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng

thực hiện Dự án giải quyết ngập do triều khu vực TP.Hồ Chí Minh-Cống kiểm soát triều Mương Chuối, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh” (gọi tắt là Quyết định số 2886/QĐ-UBND ngày 09/12/2019).

Theo quyết định này thì phần diện tích nhà đất của bà bị thu hồi giải tỏa trắng 374,4m² nhà đất. Nếu căn cứ vào chứng cứ mà bà đã cung cấp và qua quá trình xác minh thực tế tại địa phương về quá trình sử dụng nhà đất thì bà T phải được xem xét bồi thường 250m² theo giá đất ở nông thôn và 01 suất tái định cư do bị giải tỏa trắng theo đúng pháp luật và chủ trương nhân đạo của nhà nước. Thế nhưng tại Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư số 295/PABT-HĐBT ngày 09/12/2019 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư của Dự án chỉ áp dụng mức bồi thường và mức hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm đối với trường hợp của bà T với tổng cộng mức bồi thường hỗ trợ là 972.064.000 đồng là quá thấp (chưa tính phần nhà trên đất), không đúng với thực tế và gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà T.

Ngày 09/12/2019 UBND huyện N ban hành Quyết định số 2969/QĐ-UBND “Về việc duyệt Phương án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với bà Đào Thị Minh T, địa chỉ 11/8B (HG) ấp 1, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh dự án Giải quyết ngập do triều khu vực Thành Phố Hồ Chí Minh có xét tới yếu tố biến đổi khí hậu (giai đoạn 1)-hạng mục công kiểm soát triều Mương Chuối” (Quyết định số 2969/QĐ-UBND ngày 09/12/2019).

Trong quá trình bà T kiến nghị Thanh tra huyện xác minh giải quyết lại cho bà với yêu cầu phải xem xét bồi thường định mức 250m² theo giá đất ở nông thôn và 01 suất tái định cư do bị giải tỏa trắng theo đúng pháp luật và chủ trương nhân đạo của nhà nước. Ngày 11/07/2020 đại diện chính quyền địa phương, trong đó có Thanh Tra huyện, Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư của dự án đã trực tiếp vận động bà giao mặt bằng sớm để chính quyền kịp tiến độ thi công công trình và hướng dẫn bà làm đơn kiến nghị gửi UBND huyện xin xem xét bồi thường theo loại đất nhà ở nông thôn và tái định cư. Vì tin tưởng nên bà T đã đồng ý giao nhà đất cho ban bồi thường giải phóng mặt bằng theo Biên bản bàn giao ngày 13/07/2020.

Bà T đã làm đơn kiến nghị xin xem xét gửi UBND huyện N như hướng dẫn và sau khi Thanh tra huyện xác minh tại địa phương đã chứng thực những gì bà T khai về nhà đất là hoàn toàn đúng sự thật nhưng UBND huyện N lại không giải quyết cho bà T mà yêu cầu bà T rút lại toàn bộ hồ sơ kiến nghị và khởi kiện ra Tòa án giải quyết.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2969/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND huyện N.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện N vắng mặt. Tòa án công bố ý kiến của người bị kiện. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Huỳnh Quốc D, ông Nguyễn Văn T và ông Lê Văn H trình bày:

Căn cứ vào Chính sách số 02/CSBT-HĐBT ngày 18/9/2019 của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Giải quyết ngập do triều khu vực Thành phố Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu (giai đoạn 1) – hạng mục Công kiểm soát triều Mương Chuối được Ủy ban nhân dân huyện N phê duyệt tại Quyết định số 2906/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 (gọi tắt là Chính sách số 02/CSBT-HĐBT ngày 18/9/2019) UBND huyện N đã ban hành Quyết định số 2969/QĐ-UBND và Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 “Về phê duyệt bổ sung Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số 295/PABT-HĐBT ngày 09 tháng 12 năm 2019 đối với bà Đào Thị Minh T” (gọi tắt là Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 01/9/2020). Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 1.022.137.187 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, không trăm hai mươi hai triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm tám mươi bảy đồng*).

Qua nhiều lần tiếp xúc, vận động bà T không đồng ý nhận tiền bồi thường, bà đề nghị bồi thường theo đơn giá đất ở và bố trí tái định cư. Số tiền bồi thường, hỗ trợ của bà T nêu trên được UBND huyện N lập thủ tục chuyển về tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện N.

Từ những cơ sở pháp lý nêu trên, UBND huyện N nhận thấy việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với bà Đào Thị Minh T là đúng theo quy định. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Minh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Tuấn S và trẻ Võ Sơn H (con của ông S và bà T) có ông S và bà T là đại diện hợp pháp cùng ủy quyền cho ông Lý Văn Đ làm đại diện đã thống nhất với ý kiến của bà T, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Đ đại diện bà T trình bày:

-Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu bồi thường định mức 250m² đất theo giá đất ở nông thôn và 01 suất tái định cư do bị giải tỏa trắng theo đúng pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người bị kiện: Ông Lê Văn H và ông Huỳnh Quốc D có ý kiến:

-Cung cấp bổ sung Văn bản số 2625/UBND-BBT ngày 27/12/2021 “Về việc bổ sung pháp lý về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với bà Đào Thị Minh T trong hạn mục Công kiểm soát triều Mương Chuối“, Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 01/9/2020, bản sao trang Sổ đăng ký ruộng đất (tài liệu 299/TTg) thửa đất đang khởi kiện.

-Có sai sót trong xác định nguồn gốc pháp lý thửa đất nên việc bồi thường chưa chính xác, đề nghị Tòa án xét xử theo pháp luật.

-UBND huyện N không bố trí tái định cư cho bà T vì từ năm 2006 bà T cho người khác thuê nhà, chuyển về địa chỉ 11/8B Ấp 1, xã P, huyện N sống, có Hộ khẩu ghép, do vậy được coi như đã có nơi ở khác, không thuộc trường hợp tái định cư.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Tuy nhiên Tòa án có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Hủy Quyết định số 2969/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 và Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của UBND huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận giữa các bên đương sự; Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa bà Đào Thị Minh T với UBND huyện N là tranh chấp về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất” được quy định tại Điều 3 và Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Do có người bị kiện là UBND huyện N, căn cứ Điều 32 Luật Tố tụng hành chính vụ án do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[2.1]. UBND huyện N và ông Huỳnh Văn H đã có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do vậy căn cứ theo quy định tại Điều 158 Luật Tố tụng hành chính Tòa án xét xử vắng mặt UBND huyện N và ông H.

[2.2]. Xét về thời hiệu khởi kiện.

UBND huyện N ban hành Quyết định số 2969/QĐ-UBND vào ngày 09/12/2019 và Quyết định số 1326/QĐ-UBND vào ngày 01/9/2020, đến ngày 01/12/2020 bà T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2969/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3]. Xét Quyết định số 2969/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND huyện N.

[3.1]. Nguồn gốc, quá trình sử dụng và pháp lý thửa đất bị thu hồi, bồi thường, hỗ trợ.

Theo các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, lời khai của ông Đ đại diện phía bà T và Văn bản số 2625/UBND-BBT ngày 27/12/2021 “Về việc bổ sung pháp lý

về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với bà Đào Thị Minh T trong hạng mục Công kiểm soát triều Mương Chuối“ của UBND huyện N, cùng các tài liệu chứng cứ có liên quan, có cơ sở xác định:

-Nhà đất thuộc phần thửa 72 và 73, tờ bản đồ số 26, xã P, do bà T mua lại của ông Nguyễn Văn C vào năm 2000, căn nhà có diện tích khoảng trên 100m², được ông C xây dựng vào khoảng năm 1968 kết cấu mái tôn xi măng, vách ván, mặt trước xây gạch, vào thời điểm đó căn nhà có địa chỉ 6/5 ấp 1, xã P. Năm 2000, sau khi mua lại của ông C thì bà T có sửa chữa lại căn nhà nêu trên và sinh sống tại căn nhà này đến năm 2006 cho ông Nguyễn Ngọc T thuê lại để buôn bán đến khi bị dự án triển khai thực hiện.

-Theo Sổ Đăng ký ruộng đất (tài liệu 299/TTg), thửa đất trên do ông C đăng ký, loại đất TTT; theo tài liệu 02/CT-UB thuộc thửa 48, tờ bản đồ số 10, xã P thể hiện nhà trên nền bản đồ năm 1991, loại đất: T.V; Thuộc thửa 72 tờ bản đồ số 26 xã P, cũng thể hiện nhà trên nền bản đồ năm 2005.

-Theo Bản đồ hiện trạng vị trí (Phục vụ công tác bồi thường) thể hiện nhà đất của bà T có diện tích 374,4m², gồm thửa 72-1 (diện tích 259 m², có nhà: 105,6m²+vườn) và thửa 73-1 (diện tích 115,4m², đất trồng cây lâu năm).

-Bảng xác minh nguồn gốc nhà đất số 22/XN-UB ngày 28/5/2019 của UBND xã P, huyện N: Hộ bà T bị giải tỏa trắng, nhà đất sử dụng ổn định, không tranh chấp, không lấn chiếm, không còn đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn xã P, Nhà Bè.

-Về quy hoạch sử dụng đất:

+Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu Công viên giải trí và du lịch Soài Rạp, do Kiến trúc sư Trưởng Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt tại Quyết định 3691/KTST-QH ngày 03/4/1999, xác định vị trí khu đất do bà T sử dụng thuộc quy hoạch xây dựng có chức năng là Đất mặt nước.

+Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch huyện N đã được UBND Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt tại Quyết định số 2780/QĐ-UBND ngày 29/6/2019, vị trí thửa 72 (tài liệu năm 2005) có chức năng quy hoạch là Đất thủy lợi.

[3.2].Luật Đất đai năm 2013 quy định:

-Tại Khoản 2 Điều 101: “2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.”

-Tại Khoản 4 và 5 Điều 103:

“4. Đối với trường hợp thửa đất ở có vườn, ao được hình thành từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật này mà trong giấy tờ đó không ghi rõ diện tích đất ở thì diện tích đất ở được xác định như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện, tập quán tại địa phương quy định hạn mức công nhận đất ở cho mỗi hộ gia đình phù hợp với tập quán ở địa phương theo số lượng nhân khẩu trong hộ gia đình;

b) Trường hợp diện tích thửa đất lớn hơn hạn mức công nhận đất ở tại địa phương thì diện tích đất ở được xác định bằng hạn mức công nhận đất ở tại địa phương;

...

5. Đối với trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật này mà đất đã sử dụng ổn định từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 thì diện tích đất ở được xác định theo mức quy định tại khoản 4 Điều này;”

[3.3]. Nghị định 43/2013/NĐ-CP ngày 15/5/2014 “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai” quy định:

-Tại Khoản 5 Điều 20: “Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định vào mục đích thuộc nhóm đất nông nghiệp từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp thì được công nhận quyền sử dụng đất như sau:

a) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với diện tích đất đang sử dụng nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật Đất đai; diện tích đất nông nghiệp còn lại (nếu có) phải chuyển sang thuê đất của Nhà nước;

-Tại Điểm a, Khoản 1 và Khoản 4 Điều 24:

“1. Đất vườn, ao quy định tại Điều 103 của Luật Đất đai áp dụng đối với trường hợp thửa đất có vườn, ao gắn liền với nhà ở, kể cả thửa đất trong và ngoài khu dân cư thuộc các trường hợp sau:

a) Thửa đất hiện đang có nhà ở và vườn, ao;”

[3.4]. Như vậy, thửa đất 72-1 (diện tích 259m², có nhà: 105,6m² +vườn) là thửa đất có vườn, ao cùng thửa với nhà ở được hình thành trước ngày 18/12/1980 nên đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, diện tích đất ở được cấp theo hạn mức là 200m² (Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh “Quy định về hạn mức đất ở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh), phần diện tích 59m² cùng thửa còn lại được xác định theo hiện trạng sử dụng là đất trồng cây lâu năm.

Phần diện tích đất nông nghiệp thuộc thửa 73-1 diện tích 115,4m² đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm.

[3.5].Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về “Quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất” quy định:

“Việc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở quy định tại Điều 79 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, ... khi Nhà nước thu hồi đất ở mà có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc bồi thường về đất được thực hiện như sau:

a) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư;”

Căn cứ vào Khoản 1 Mục II Phần III, Khoản 1 Mục II Phần VII Chính sách bồi thường số 02/CSBT-HĐBT ngày 18/9/2019, trường hợp của bà T phải được bồi thường về đất, cụ thể: -thửa 72-1: 200m² đất ở, phần diện tích đất còn lại của thửa này và thửa đất 73-1 được bồi thường theo đất nông nghiệp trồng cây lâu năm và được bố trí tái định cư theo quy định.

[3.6].Tại Phương án số 295/PABT-HĐBT ngày 09/12/2019 (được phê duyệt bởi Quyết định số 2969/QĐ-UBND vào ngày 09/12/2019) thể hiện:

-Bồi thường đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, vị trí 2, đường Nguyễn Bình (đoạn từ cầu Mương Chuối đến Huỳnh Tấn Phát) xã P, thửa 72, 73: 268,8m² x 2.243.000 đồng = 602.918.400 đồng.

-Hỗ trợ đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, vị trí 2, đường Nguyễn Bình (đoạn từ cầu Mương Chuối đến Huỳnh Tấn Phát) xã P, thửa 72:

105,6m² x 2.243.000 đồng = 236.860.800 đồng

-Bồi thường về hoa màu và cây trồng: 2.448.000đồng.

-Chính sách bồi thường, hỗ trợ:

+Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, thửa 72,73 (đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, vị trí 2): 268,8m² x 423,500 đồng = 113.836.800 đồng (còn lại Phần diện tích 105,6m² thuộc thửa 72 xây dựng nhà ở không hỗ trợ).

+Hỗ trợ ổn định đời sống: 6.000.000 đồng.

+Hỗ trợ chi phí di chuyển: 10.000.000 đồng.

- Ngày 01/9/2020 UBND huyện N ban hành Quyết định số 1326/QĐ-UBND bồi thường hỗ trợ phần kiến trúc trên đất, số tiền: 50.073.187 đồng.

Tổng cộng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 1.022.137.187 đồng.

Xét thấy, UBND huyện N chỉ bồi thường 268,8m² đất nông nghiệp trồng cây lâu năm và hỗ trợ phần đất có nhà 105,6m² bằng đơn giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, không giải quyết tái định cư cho hộ bà T là không đúng quy định của pháp luật, không đúng với Chính sách bồi thường số 02/CSBT-HĐBT ngày 18/9/2019, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bà T.

[3.7].Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận hủy Quyết định số 2969/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND huyện N.

Do Quyết định số 1326/QĐ-UBND “Về phê duyệt bổ sung Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số 295/PABT-HĐBT ngày 09 tháng 12 năm 2019” ngày 01/9/2020 của UBND huyện N là quyết định bổ sung (phần vật kiến trúc trên đất) cho Quyết định số 2969/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 nên cũng bị hủy để đảm bảo việc giải quyết toàn diện vụ án.

[4].Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5].Về án phí hành chính sơ thẩm: UBND huyện N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bà T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Luật Tổ tụng hành chính;
- Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ “Quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai”
- Căn cứ Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về “Quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Minh T có ông Lý Văn Đ là đại diện hợp pháp.

Hủy các quyết định hành chính sau đây của Ủy ban nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh:

-Quyết định số 2969/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 “Về việc duyệt Phương án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với bà Đào Thị Minh T, địa chỉ 11/8B (HG) ấp 1, xã P, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh dự án Giải quyết ngập do triều khu vực Thành Phố Hồ Chí Minh có xét tới yếu tố biến đổi khí hậu (giai đoạn 1)-hạng mục công kiểm soát triều Mương Chuối”;

-Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 “Về phê duyệt bổ sung Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số 295/PABT-HĐBT ngày 09 tháng 12 năm 2019”.

2.Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0093245 ngày 17/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3.Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Bảo Nguyên

